TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày 07-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Toàn.

Ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2023/QĐXXST–DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng HTX Việt Nam (Ngân hàng).

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà N04, đường Hoàng Đạo Thúy, phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng HTX Việt Nam là ông Lê An Giang - Chức vụ: Cán bộ tín dụng, theo Quyết định ủy quyền số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 108, đường Hùng Vương, phường ML, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Bà Trần Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

+ Ông Đỗ Tấn K, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Lô10F4, Lê Thiện Tứ, khóm DA7 (nay là khóm DT), phường ĐX, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Lê An Giang đại diện của nguyên đơn Ngân hàng HTX Việt Nam trình bày:

Ngày 08/09/2014, bà Trần Thanh T và Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang ký kết Hợp đồng tín dụng số TD23000060 để bà T vay số tiền 90.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: mua sắm vật dụng, sinh hoạt gia đình; thời hạn vay là 60 tháng (từ 08/9/2014 đến ngày 08/9/2019); mức lãi suất cho vay: 13,2% năm (1,1%/tháng); nguồn trả nợ từ lương, thưởng, phụ cấp hàng tháng; số tiền cho vay được trả nợ thành 60 kỳ hạn; trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng; số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 1.500.000 đồng, số tiền gốc kỳ hạn cuối cùng là 1.500.000 đồng.

Đến 10/01/2016, Ngân hàng tiến hành điều chỉnh giảm lãi suất hợp đồng tín dụng của bà T xuống 11,04%/năm (0,92%/tháng).

Bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng tín dụng dẫn đến trễ hạn, quá hạn, nợ xấu.

Tính đến ngày 30/11/2022, tổng số tiền nợ vay là 114.197.340 đồng. Trong đó: tiền gốc là 52.589.000 đồng, tiền lãi là 61.608.340 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà Trần Thanh T không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo quy định. Bà T đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn.

Sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở đến nay bà T vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết. Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang đã liên hệ trực tiếp ông Đỗ Tấn K, ông K cam kết hàng tháng trả 500.000 đồng và sang năm 2022 sẽ sắp xếp tất toán khoản vay của bà T. Khoản vay của bà T đã chuyển sang quá hạn vào ngày 07/04/2016 và áp dụng lãi suất quá hạn.

Nay Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang giải quyết buộc bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 10/02/2023 là 115.891.369 đồng, bao gồm: vốn gốc là 52.589.000 đồng, lãi trong hạn 20.541.873 đồng, lãi quá hạn là 42.760.496 đồng.

Ngoài ra, bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày 11/02/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T, ông K phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày

05/4/2023 là 116.668.216 đồng (vốn gốc là 52.089.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 64.579.216 đồng). Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu bà T, ông K còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày 06/4/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

Bị đơn bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 08/09/2014, bà Trần Thanh T và Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang ký kết Hợp đồng tín dụng số TD23000060 để bà T vay số tiền 90.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: mua sắm vật dụng, sinh hoạt gia đình; thời hạn vay là 60 tháng (từ 08/9/2014 đến ngày 08/9/2019); mức lãi suất cho vay: 13,2% năm. Bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong Hợp đồng tín dụng dẫn đến trễ hạn, quá hạn, nợ xấu. Đến ngày 05/4/2023, tổng số tiền nợ vay là 116.668.216 đồng, trong đó tiền gốc là 52.089.000 đồng, tiền lãi là 64.579.216 đồng. Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà T, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy ủy quyền số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh HTX, số: 0100112620-018, Hợp đồng cho vay số TD23000060 ngày 08/09/2014, Bảng kê lãi đến ngày 05/4/2023, Biên bản xác minh...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 08/9/2014 bà T và Ngân hàng HTX Việt Nam – Chi nhánh An Giang thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng vay số tiền là 90.000.000 đồng. Ngày 10/01/2016, Ngân hàng tiến hành điều chỉnh giảm lãi suất Hợp đồng tín dụng của bà T xuống 11,04%/năm. Bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong Hợp đồng tín dụng dẫn đến trễ hạn, quá hạn, nợ xấu. Đến ngày 05/4/2023, tổng số tiền nợ vay là 116.668.216 đồng, trong đó tiền gốc là 52.089.000 đồng, tiền lãi là 64.579.216 đồng.

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà T với Ngân hàng HTX Việt Nam – Chi nhánh An Giang ngày 08/9/2014, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ kèm theo; nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 05/4/2023 là 116.668.216 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc từ ngày 06/4/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với

quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Mặc dù, hợp đồng tín dụng chỉ ký kết với bà T nhưng được ký kết trong thời kỳ hôn nhân với ông K và sử dụng tiền vay với mục đích tiêu dùng trong gia đình nên Ngân hàng yêu cầu bà T và ông K cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (116.668.216 đồng) là 5.833.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.854.000 đồng theo Biên lai thu số 0001195 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng HTX Việt Nam đối với bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K.

- Buộc bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng HTX Việt Nam số tiền vốn gốc tính đến ngày 05/4/2023 là 52.089.000 đồng, lãi là 64.579.216 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 116.668.216 đồng.

- Bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 52.089.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 06/4/2023 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thanh T và ông Đỗ Tấn K phải chịu 5.833.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng HTX Việt Nam được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 2.854.000 đồng theo Biên lai thu số: 0001195 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Toàn **Võ Thanh Tân** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi T luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.
- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Trần Nghi Bình	Huỳnh Công Tấn	Ngô Ngọc Phỉ